**DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH**

 **NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

 **CỦA TỈNH HẬU GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số  /QĐ-UBND ngày   tháng   năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)*

|  |
| --- |
| **LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG** |
| **I** | **DỊCH VỤ BÁO CHÍ, XUẤT BẢN VÀ THÔNG TIN CƠ SỞ** |
| 1 | Thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị |
| 2 | Thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ đảm bảo an ninh - quốc phòng |
| 3 | Thông tin tuyên truyền đối ngoại và phục vụ hội nhập quốc tế |
| 4 | Thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội: Phát triển nông nghiệp - nông thôn; phòng chống thiên tai, hiểm họa phục vụ cộng đồng; phục vụ thiếu niên, nhi đồng, người khiếm thính, khiếm thị, đồng bào vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội khác |
| 5 | Tạo chuyên mục riêng, đăng tải thông cáo báo chí, thông tin, thông báo liên quan đến hoạt động tác nghiệp của phóng viên tại các sự kiện lớn của tỉnh, hướng đến phục vụ sự kiện, lễ hội. |
| 6 | Tạo “Kho lưu trữ tác phẩm trực tuyến”, đăng tải, lưu trữ các tác phẩm hay tham dự các Giải báo chí tỉnh, phục vụ nhu cầu tích hợp, giới thiệu các tác phẩm báo chí tiêu biểu, cổ vũ hoạt động thông tin, tuyên truyền trên địa bàn. |
| 7 | Truyền thông Media (tuyên truyền thông qua videoclip). |
| 8 | Đo lường mức độ tiếp cận, sử dụng thông tin của khán giả phục vụ đánh giá hiệu quả nội dung thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh - quốc phòng, đối ngoại và phát triển kinh tế - xã hội |
| 9 | Tuyên truyền, chuyển tải thông tin thông qua hình thức đồ họa (infographic). |
| 10 | Sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình phóng sự, tài liệu chuyên đề, phim truyện do nhà nước đặt hàng hoặc tài trợ. |
| 11 | Dịch vụ phát thanh, truyền hình qua mạng Internet phục vụ người Việt Nam ở nước ngoài. |
| **II** | **DỊCH VỤ VIỄN THÔNG, INTERNET** |
| 1 | Vận hành, quản lý, bảo trì mạng không dây. |
| 2 | Vận hành, cài đặt, nâng cấp hệ thống mạng, điện thoại, camera. |
| 3 | Cung cấp đường truyền Internet cho các cơ quan nhà nước. |
| 4 | Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng thông tin nội bộ trong Hệ thống thông tin CQĐT. |
| **III** | **DỊCH VỤ BƯU CHÍNH** |
| 1 | Bưu chính hệ đặc biệt phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước |
| **IV** | **DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN** |
| **1** | **Dịch vụ sự nghiệp công về Chính quyền điện tử** |
| 1.1 | Hỗ trợ các phần mềm dùng chung: dịch vụ công, quản lý văn bản, quản lý cán bộ, công chức, viên chức… và các ứng dụng thuộc Hệ thống thông tin Chính quyền điện tử (CQĐT). |
| 1.2 | Kiểm thử các ứng dụng/phần mềm của các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố; xã, phường, thị trấn trên Hệ thống thông tin Chính quyền điện tử. |
| 1.3 | Xây dựng, quản lý, nâng cấp Trang thông tin điện tử, Cổng thông tin điện tử. |
| 1.4 | Xây dựng, bổ sung, nâng cấp dịch vụ công trực tuyến. |
| 1.5 | Cập nhật quy trình xử lý nghiệp vụ và cập nhật bộ thủ tục hành chính trong Hệ thống thông tin CQĐT. |
| 1.6 | Tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ tổ chức, cá nhân thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tập trung tại Trung tâm hành chính tỉnh Hậu Giang hoặc nộp hồ sơ trực tuyến. |
| 1.7 | Bảo trì, nâng cấp phần mềm, hệ thống lưu trữ cơ sở dữ liệu. |
| 1.8 | Quản trị, vận hành hệ thống cổng thông tin, website, ứng dụng của các cơ quan, đơn vị phục vụ CQĐT. |
| 1.9 | Quản trị vận hành và tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ CQĐT. |
| 1.10 | Dịch vụ quản trị, vận hành hệ thống quản lý tên miền phục vụ CQĐT. |
| **2** | **Dịch vụ sự nghiệp công trong bảo đảm an toàn an ninh thông tin (ANTT)** |
| 2.1 | Điều phối hoạt động ứng cứu sự cố an toàn mạng và an toàn thông tin mạng |
| 2.2 | Thu thập, phân tích, cảnh báo nguy cơ, sự cố, tấn công mạng |
| 2.3 | Ứng cứu, ngăn chặn, xử lý, khắc phục và diễn tập phòng chống tấn công mạng |
| 2.4 | Giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin thuộc hệ thống Chính quyền điện tử của tỉnh. |
| 2.5 | Kiểm định, đánh giá an toàn thông tin mạng trong cơ quan nhà nước |
| 2.6 | Cài đặt, cấu hình thiết bị, phần mềm ANTT. |
| 2.7 | Cung cấp hệ thống, thiết bị, giải pháp an toàn thông tin. |
| **3** | **Dịch vụ sự nghiệp công trong xây dựng đô thị thông minh (ĐTTM)** |
| 3.1 | Tư vấn xây dựng đô thị thông minh |
| 3.2 | Quản lý, giám sát hệ thống đô thị thông minh |
| 3.3 | Thu thập chỉ số báo cáo ĐTTM lên phần mềm thu thập KPI ĐTTM |
| **V** | **DỊCH VỤ KHÁC** |
| **1** | **Dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực đào tạo**  |
| 1.1 | Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng công nghệ thông tin cho cán bộ công chức, viên chức, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh |
| 1.2 | Đào tạo quản trị, sử dụng các phần mềm dùng chung; hướng dẫn sử dụng chứng thư số; |
| 1.3 | Đào tạo về an toàn an ninh thông tin, phương pháp ứng cứu, ngăn chặn, xử lý, khắc phục và diễn tập phòng chống tấn công mạng |
| 1.4 | Tập huấn thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh |
| 1.5 | Đào tạo nghề Công nghệ thông tin cho lao động đặc thù (bộ đội xuất ngũ, người khuyết tật, người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật, hộ nghèo, hộ thuộc diện di dời, giải tỏa, thu hồi đất sản xuất, bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh,...). |
| 1.6 | Bồi dưỡng kỹ năng cho phóng viên, biên tập viên, ban biên tập của các trang web các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố |
| **2** | **Dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực thuê dịch vụ** |
| 2.1 | Thiết bị: máy vi tính, máy in, máy photocopy, máy scan, máy fax, trang thiết bị họp trực tuyến, hosting, tên miền, dịch vụ SSL |
| 2.2 | Phần mềm: phần mềm ứng dụng, cổng thông tin (web), mail |
| 2.3 | Vận hành hệ thống máy chủ, hệ thống lưu trữ của tỉnh. |
| **3** | Khảo sát mức độ hài lòng của tổ chức, công dân đối với lĩnh vực dịch vụ công của tỉnh: tổ chức, thực hiện điều tra, khảo sát; tổng hợp kết quả khảo sát. |